

Số: 1463 /KH-UBND

Ninh Thuận, ngày 30 tháng 3 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình củng cố và phát triển Hệ thống thông tin chuyên ngành dân số tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Thực hiện Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình củng cố và phát triển Hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030;

Thực hiện Kế hoạch số 94-KH/TU ngày 21/02/2018 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Kế hoạch số 1524/KH-UBND ngày 29/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 của tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2020 – 2025;

Thực hiện Công văn số 1544/BYT-TCDS ngày 12/3/2021 của Bộ Y tế về việc triển khai Chương trình Củng cố và phát triển Hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình củng cố và phát triển Hệ thống thông tin chuyên ngành dân số tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển hệ thống thông tin số liệu dân số theo hướng hiện đại và đồng bộ, bảo đảm cung cấp đầy đủ tình hình, dự báo dân số tin cậy phục vụ quản lý nhà nước về dân số góp phần xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của các cơ quan, tổ chức trên toàn tỉnh, thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Thông tin số liệu trực tuyến về dân số được cập nhật, số hóa ở cấp xã đạt 90% năm 2025, đạt 100% năm 2030; cộng tác viên dân số thực hiện cập nhật thông tin số liệu trực tuyến bằng thiết bị di động thông minh đạt 90% năm 2030.

b) 100% kho dữ liệu chuyên ngành dân số trên địa bàn tỉnh được hiện đại hóa, hình thành hệ thống lưu trữ, kết nối thông tin số liệu dân số và phát triển vào năm 2025, tiếp tục duy trì và mở rộng sau năm 2025.

c) 100% cơ sở dữ liệu cấp huyện được xử lý, khai thác trực tuyến trên môi trường mạng các chỉ tiêu dân số và phát triển phục vụ chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước về dân số vào năm 2025; đến cấp xã đạt 100% năm 2030.

d) 80% ngành, lĩnh vực, địa phương sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số trong xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội vào năm 2025; đạt 100% năm 2030.

đ) Triển khai các ứng dụng thiết bị di động thông minh đáp ứng nhu cầu sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số của các cơ quan, tổ chức theo quy định.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến thông tin số liệu dân số và phát triển

a) Chuyển tải thông tin của các sản phẩm, ấn phẩm thông tin số liệu dân số đến các sở, ban, ngành, đoàn thể trên toàn tỉnh. Xây dựng báo cáo chuyên sâu, tài liệu, hướng dẫn, dự báo các vấn đề dân số mới nảy sinh trên địa bàn tỉnh. Cung cấp, chia sẻ thông tin dữ liệu chuyên ngành dân số thuận tiện, liên tục và theo thời gian.

b) Đổi mới phương thức cung cấp thông tin số liệu dân số và phát triển theo các hình thức khác nhau. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, các kênh thông tin truyền thông hiện đại, trực tuyến đến cơ quan, tổ chức và người dân. Làm sâu sắc hơn nữa vai trò của thông tin số liệu dân số và phát triển trong công tác chỉ đạo, điều hành để đạt các mục tiêu về dân số; lồng ghép yếu tố dân số trong xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

c) Ban hành kế hoạch để bảo đảm nguồn lực; phân công cụ thể từng địa phương, cơ quan, đơn vị tham gia thực hiện Kế hoạch.

2. Hoàn thiện cơ chế chính sách, quy định chuyên môn, kỹ thuật

a) Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế phối hợp, chia sẻ, khai thác thông tin số liệu dân số và phát triển của các đơn vị, địa phương; chính sách hỗ trợ việc thu thập, cập nhật thông tin số liệu đầu vào, quản trị và vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

b) Thực hiện rà soát, bổ sung các quy định về kỹ thuật, an toàn thông tin, an ninh dữ liệu, vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số; giám sát, đánh giá, thẩm định chất lượng thông tin số liệu.

3. Nâng cao chất lượng thông tin số liệu, hiện đại hóa kho dữ liệu chuyên ngành dân số

a) Đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng thu thập thông tin số liệu đầu vào của mạng lưới dân số các cấp, cộng tác viên dân số; rà soát, thẩm định thông tin số liệu; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả ba hình thức thu thập thông tin: báo cáo định kỳ, điều tra thống kê, hồ sơ đăng ký hành chính trên cơ sở nhu cầu thông tin số liệu phục vụ quản lý điều hành.

b) Nâng cấp hệ thống kho dữ liệu chuyên ngành dân số

- Xây dựng, triển khai giải pháp đề số hóa, cập nhật thông tin số liệu trực tuyến tại cấp xã; lưu trữ, quản lý dữ liệu tập trung tại kho dữ liệu chuyên ngành dân số cấp tỉnh, huyện;

- Nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị của kho dữ liệu chuyên ngành dân số các cấp trên cơ sở kế thừa tối đa hạ tầng công nghệ thông tin sẵn có;

- Ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ mới, phát triển các ứng dụng khai thác dữ liệu, dự báo dân số phục vụ yêu cầu quản lý, phân tích, chia sẻ, công bố thông tin số liệu dân số;

- Triển khai các giải pháp kết nối chia sẻ với cơ sở dữ liệu của các ngành, địa phương; hình thành công dữ liệu dân số; quản lý và giám sát an toàn thông tin; bảo mật các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật;

- Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin của các hệ thống thông tin trong phạm vi Chương trình đề ra.

c) Điều tra, khảo sát về dân số và phát triển; nhân khẩu học và sức khỏe. Nghiên cứu, thí điểm mô hình nâng cao chất lượng thu thập, cập nhật thông tin; xử lý các bài toán về động thái dân số.

4. Nâng cao năng lực cán bộ, cộng tác viên dân số

a) Tuyển chọn, đào tạo cán bộ chuyên sâu, chuyên gia về thống kê dân số, nhân khẩu học, công nghệ thông tin.

b) Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số về kiến thức và kỹ năng thu thập thông tin; xử lý, khai thác, lưu trữ số liệu dân số; quản trị, vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

5. Huy động nguồn lực

Đa dạng hóa các nguồn lực thực hiện, lồng ghép với các kế hoạch, chương trình, đề án, nhiệm vụ liên quan; huy động toàn bộ mạng lưới y tế, dân số, cộng tác viên dân số tham gia theo chức năng nhiệm vụ được giao bảo đảm hoạt động ở tuyến cơ sở; ứng dụng khai thác dữ liệu; các giải pháp nâng cao chất lượng thông tin số liệu.

III. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện được huy động từ các nguồn:

- Ngân sách Trung ương từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu (nếu có).
- Ngân sách địa phương bảo đảm theo khả năng cân đối ngân sách và theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ y tế, dân số, lồng ghép trong các Chương trình, Dự án có liên quan theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.
- Huy động sự tham gia, đóng góp, hỗ trợ của các tổ chức trong và ngoài nước, đặc biệt trong việc sản xuất và cung ứng các vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và trẻ em.
- Các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai các nội dung của Kế hoạch này, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với các chương trình, kế hoạch liên quan do các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chủ trì thực hiện.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan hướng dẫn chia sẻ, kết nối kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số với cơ sở dữ liệu của các ngành liên quan.

3. Sở Tài chính: Cân đối ngân sách địa phương, tham mưu UBND tỉnh kinh phí thực hiện Chương trình củng cố và phát triển Hệ thống thông tin chuyên ngành dân số tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030 theo quy định về phân cấp ngân sách nhà nước.

4. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị khác: Tham gia thực hiện Kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và nội dung của Kế hoạch này để xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện; chủ động cân đối và phân bổ các nguồn lực cho các hoạt động của Kế hoạch trên địa bàn; hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch gửi Sở Y tế để tổng hợp báo cáo.

- Sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số trong xây dựng và thực hiện các kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Tỉnh Đoàn: trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, tham gia triển khai và giám sát việc thực hiện Kế hoạch.

Căn cứ Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được phân công; định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Y tế để tổng hợp). Giao Sở Y tế làm đầu mối hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện nội dung Kế hoạch này, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế theo quy định./.

Nơi nhận:

- CT và PCT UBND tỉnh NLB;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Chi cục Dân số-KHHGD;
- VPUB: LĐ;
- Lưu: VT, VXNV. NNN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Long Biên